

PHÂN TÍCH CÁC LỖI NGŨ PHÁP CỦA SINH VIÊN TRÊN CƠ SỞ SO SÁNH CÁC ĐIỂM KHÁC BIỆT TRONG NGŨ PHÁP TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

AN ANALYSIS OF STUDENTS' GRAMMATICAL ERRORS BASED
ON THE DIFFERENCES BETWEEN ENGLISH
AND VIETNAMESE GRAMMATICAL CHARACTERISTICS

BÔ THỊ LÝ

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The research was conducted to identify and analyse common grammatical errors made by first-year non-majored Vietnamese students in their writing. The analysis based on the differences between Vietnamese and English grammatical features not only provided closer insight into the typical kinds of grammatical errors and threw light into the reasons for such errors as to both bilingual and intralingual errors.

Key words: grammar; grammatical errors; bilingual transfer; intralingual errors; writing.

1. Mở đầu

1.1. Theo Ellis (1997), lỗi ngữ pháp thể hiện khoảng trống trong kiến thức của học viên, xuất hiện khi người học không nhận thức được cái gì là đúng. Trước đây, các phương pháp giảng dạy tiếng Anh cũ như phương pháp Audio-lingual không cho phép lỗi ngữ pháp. Nói cách khác, với người học nói tiếng Anh chuẩn, lỗi ngữ pháp là điều không được chấp nhận. Tuy nhiên, với phương pháp giảng dạy tiếng Anh định hướng giao tiếp phổ biến hiện nay thì quan niệm về lỗi ngữ pháp đã thay đổi. Ngày nay, lỗi ngữ pháp được xem như một phần của quá trình học ngoại ngữ. Theo Mitchell and Myles (2004), thông qua các lỗi ngữ pháp có thể phát hiện trình độ ngoại ngữ tại một thời điểm nhất định của người học; ngoài ra, nó còn giúp giáo viên nhận thấy được những khiếm khuyết trong quá trình thu nhận kiến thức của sinh viên.

Theo Murrow (2004), phần lớn các giáo viên dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ đều nhận thấy một khoảng cách giữa trình độ kiến thức lí thuyết với thực tế thể hiện của sinh viên. Sinh viên học tiếng Anh có thể làm tốt các bài tập ngữ pháp đơn thuần nhưng lại thất bại trong việc chuyển tải các kiến thức ngữ

pháp vào thực tế để hoàn thành một bài viết. Nói một cách khác, mặc dù có thể có kiến thức về lí thuyết tốt, sinh viên vẫn mắc phải lỗi ngữ pháp khi viết bài tiếng Anh. Các nghiên cứu của Darus and Subramaniam (2009), AbiSamra (2003), and Ridha (2012) về lỗi ngữ pháp trong bài viết tiếng Anh của sinh viên đều chỉ ra các lỗi ngữ pháp nghiêm trọng và phổ biến nhất.

1.2. Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi gồm 50 bài viết của 25 sinh viên không chuyên năm nhất chương trình đạo tạo chất lượng cao khóa 2013-2014 của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Khi tiến hành nghiên cứu, 25 sinh viên đang học chương trình tiếng Anh theo Khung tham chiếu châu Âu. Các bài viết của sinh viên được viết dưới dạng đoạn văn dài khoảng 150 từ theo đúng chương trình cũng như trình độ mà các em đang theo học.

Các dữ liệu sẽ được thống kê và phân tích dựa trên bảng tổng hợp các lỗi ngữ pháp về ngữ pháp của Wakkad(1980). Trong nghiên cứu của mình, Wakkad đưa ra 5 nhóm lỗi ngữ pháp: lỗi âm vị, lỗi sử dụng từ chức năng, lỗi cấu trúc, lỗi trật tự từ, lỗi thời động từ.

Bảng tổng hợp các lỗi ngữ pháp của Wakkad (1980)

1. Lỗi âm vị	A- Lỗi âm vị chia động từ	D- Lỗi đại từ chỉ định	G- Lỗi ngữ pháp trợ động từ
	B- Chủ ngữ và động từ không hợp nhất	E- Không tương thích về số	I- Dùng sai loại từ tân ngữ-chủ ngữ
	C- Lỗi dùng đại từ không tương thích	F- Động từ bất quy tắc	K- Lỗi đại từ quan hệ
2. Lỗi sử dụng từ chức năng	A- Lỗi sử dụng giới từ		
	B- Lỗi sử dụng mạo từ		
3. Lỗi cấu trúc	A- Sai trật tự thời		D- Lỗi thiếu động từ
	B- Lỗi thể bị động		E- Lỗi dùng "to"
	C- Thiếu "to be"		F- Lỗi cấu trúc song song
4. Lỗi trật tự từ	A- Lỗi trật tự giữa tính từ, danh từ		
5. Lỗi thời động từ	A- Lỗi dùng sai thời động từ		

2. Kết quả và bàn luận

2.1. Trung bình mỗi đoạn văn dài 18 câu, như vậy tổng số lượng câu được phân tích vào khoảng 900 câu. Theo kết quả phân tích dữ liệu: 368 câu có chứa lỗi ngữ pháp; bình quân mỗi đoạn văn chứa xấp xỉ 40% các câu sai. Trong số 368 câu chứa 724 lỗi, như vậy, tính trung bình thì mỗi một câu có khoảng 2 lỗi ngữ pháp. Trên thực tế số lượng lỗi ngữ pháp nhiều hơn 724 lỗi được thống kê; tuy nhiên 724 lỗi là lỗi ngữ pháp còn các lỗi còn lại thuộc về từ vựng, phong cách, diễn đạt và lỗi chính tả.

Tổng số và số phần trăm chi tiết của các loại hình lỗi ngữ pháp trong 50 đoạn văn được tổng hợp trong bảng dưới đây. Tuy nhiên, chỉ 11 lỗi điển hình nhất thuộc 5 nhóm lỗi được trình bày cụ thể. Các lỗi không điển hình khác được đưa vào thành một nhóm.

	Loại lỗi ngữ pháp	Số lượng	Phần trăm
Lỗi âm vị 48.7%	Lỗi âm vị chia động từ	104	14.3
	Chủ ngữ và động từ không hợp nhất	66	9.1
	Không tương thích về số	77	10.7
	Lỗi dùng đại từ	46	6.4

Lỗi cấu trúc 20%	từ không tương thích		
	Dùng sai loại từ tân ngữ-chủ ngữ	59	8.2
	Lỗi cấu trúc song song	54	10.5%
	Không nhất quán	30	3.1%
Lỗi dùng từ chức năng 9.7%	Lỗi thiếu động từ	61	8.4%
	Lỗi sử dụng mạo từ	70	9.7%
Lỗi trật tự từ 9.6%	Trật tự tính từ-danh từ	69	7.6%
	Lỗi dùng sai thời động từ	61	8.4%
	Lỗi khác	27	3.6%
Tổng số		724	100%

Phân tích số liệu:

Dựa trên kết quả phân tích số liệu, có thể thấy rõ rằng, sinh viên mắc nhiều lỗi ngữ pháp về âm vị hơn so với 4 nhóm lỗi còn lại với gần một nửa tổng số lỗi được phân tích; thứ hai là lỗi cấu trúc với 20%; thứ ba là lỗi dùng từ chức năng và trật tự từ chiếm gần 10%; cuối cùng là lỗi dùng thời động từ với 8.4%.

Trong số 9 lỗi ngữ pháp thuộc nhóm lỗi âm vị, sinh viên chủ yếu mắc phải 5 lỗi điển hình bao gồm: Lỗi âm vị chia động từ (14,3%); Chủ ngữ và động từ không hợp nhất (9,1%); Không tương thích về số (10,7%); Lỗi dùng đại từ không tương thích (6,4%) và Dùng sai loại từ tân ngữ-chủ ngữ (8,2%). Hai trong số 5 lỗi liên quan tới động từ còn 3 lỗi còn lại chiếm tổng tỉ lệ lớn nhất là các lỗi về cụm danh từ. Dưới đây là một số ví dụ và phân tích các lỗi thuộc nhóm lỗi âm vị.

Có thể thấy sinh viên mắc nhiều lỗi ngữ pháp với việc chia động từ một cách chính xác và phù hợp với chủ ngữ, chính vì vậy, đây là loại lỗi cao nhất chiếm hơn 24%. Phần lớn các trường hợp sinh viên quên không thêm 's' hoặc 'es' vào sau động từ ngôi thứ ba số ít. Một số khác lại nhầm lẫn trong việc khi nào thêm 's' khi nào thêm 'es'. Có những trường hợp sinh viên chia cả động từ khi chủ ngữ vẫn là số nhiều. Điều này xảy ra là do trong tiếng Việt không có sự thay đổi dạng thức của động từ đối với từng loại chủ ngữ khác nhau trong khi đó ở tiếng Anh động từ phải được chia

nếu chủ ngữ là ngôi thứ 3 số ít. Sự khác biệt này gây lúng túng cho sinh viên khi họ viết nhiều câu. Các lỗi ngữ pháp về chia động từ cũng có thể bắt nguồn từ việc áp dụng không chính xác các công

thức chia động từ hoặc sinh viên không nắm được bản chất của ngôn ngữ, ví dụ như không rõ như thế nào thì được gọi là ngôi thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

Lỗi lỗi	Câu sai	Câu đúng
Lỗi âm vị chia động từ	My father <u>work</u> for a bank (<i>Bố tôi làm việc trong ngân hàng</i>) My mother <u>teacha</u> English in a secondary school (<i>Mẹ tôi dạy tiếng Anh tại một trường cấp 2</i>) Now they <u>are learn</u> at another university (<i>Bây giờ họ đang học tại một trường đại học khác</i>)	My father <u>works</u> for a bank (<i>Bố tôi làm việc trong ngân hàng</i>) My mother <u>teaches</u> English in a secondary school (<i>Mẹ tôi dạy tiếng Anh tại một trường cấp 2</i>) Now they <u>are learning</u> at another university (<i>Bây giờ họ đang học tại một trường đại học khác</i>)
Chủ ngữ và động từ không hợp nhất	My sisters <u>likes</u> listening to music (<i>Các chị tôi thích nghe nhạc</i>) Students at high school <u>learns</u> harder than at university (<i>Học sinh cấp 3 học chăm hơn sinh viên đại học</i>)	My sisters <u>like</u> listening to music (<i>Các chị tôi thích nghe nhạc</i>) Students at high school <u>learn</u> harder than at university (<i>Học sinh cấp 3 học chăm hơn sinh viên đại học</i>)

Sinh viên cũng mắc các lỗi liên quan tới danh từ số ít, danh từ số nhiều, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sử dụng sai danh động từ là tân ngữ và sự nhầm lẫn giữa đại từ nhân xưng và đại từ tân ngữ. Những lỗi ngữ pháp này cũng nằm trong nhóm sự khác biệt giữa tiếng Việt với tiếng Anh. Trong tiếng Anh khi danh từ số ít mà chuyển sang số nhiều phải biến đổi hoặc thêm 's' - 'es' còn tiếng Việt thì danh từ không thay đổi. Sự phân biệt số ít hay số nhiều trong tiếng Việt nằm ở từ chỉ số lượng. Tương tự như vậy, trong tiếng Anh có sự biến đổi hình thức của động từ khi nó đảm nhiệm

vai trò khác nhau trong câu. Khi là động từ chính thì chia theo chủ ngữ, còn khi đóng vai trò là bổ ngữ, tân ngữ và bổ ngữ thì động từ phải biến đổi thành danh động từ. Điều này cũng tương tự như cách biến đổi của các đại từ. Trong tiếng Anh có hệ thống đại từ chủ ngữ, đại từ tân ngữ, đại từ sở hữu với các hình thức từ khác nhau cho từng vị trí của đại từ làm chủ ngữ hay tân ngữ. Còn đối với tiếng Việt, chỉ có 1 hình thức từ của động từ hay đại từ cho mọi vị trí. Nói theo cách khác, dù đứng ở vị trí nào trong câu thì hình thức của từ loại không thay đổi.

	Câu sai	Câu đúng
Không tương thích về số	My family has <u>five member</u> (<i>Gia đình tôi có 5 người</i>) I like reading <u>book</u> and playing <u>sport</u> (<i>Tôi thích đọc sách và chơi thể thao</i>) I eat a lot of <u>bread</u> every mornings (<i>Tôi ăn nhiều bánh mì mỗi sáng</i>)	My family has <u>five members</u> (<i>Gia đình tôi có 5 người</i>) I like reading <u>books</u> and playing <u>sports</u> (<i>Tôi thích đọc sách và chơi thể thao</i>) I eat a lot of <u>bread</u> every morning (<i>Tôi ăn nhiều bánh mì mỗi sáng</i>)
Dùng sai loại từ tân ngữ chủ ngữ	I like <u>go</u> shopping with my friends (<i>Tôi thích đi mua sắm với bạn bè</i>) <u>Learn</u> English is very difficult (<i>Học tiếng Anh rất khó</i>)	I like <u>going</u> shopping with my friends (<i>Tôi thích đi mua sắm với bạn bè</i>) <u>Learning</u> English is very difficult (<i>Học tiếng Anh rất khó</i>)
Lỗi dùng đại từ không tương thích	She and <u>me</u> are best friends (<i>Cô ấy và tôi là bạn thân</i>) My father often took <u>us</u> to the zoo... (<i>Bố thường dẫn chúng tôi đến sở thú</i>)	She and <u>I</u> are best friends (<i>Cô ấy và tôi là bạn thân</i>) My father often took <u>us</u> to the zoo... (<i>Bố thường dẫn chúng tôi đến sở thú</i>)

Lỗi cấu trúc song song và lỗi thiếu động từ là 2 lỗi chính trong nhóm lỗi cấu trúc chiếm lần lượt

10,5% và 8,4%. Sinh viên sử dụng đồng thời cả động từ nguyên thể với danh động từ, danh từ cùng

tính từ, tính từ và động từ. Đối với lỗi thiếu động từ thì phần lớn sinh viên thiếu động từ 'to be' khi dùng tính từ làm bổ ngữ. Điều này cũng xuất phát từ thói quen sử dụng tiếng Việt. Một số ví dụ về hai lỗi ngữ pháp này như sau:

She asked me to go out and having dinner with her. (Cô ấy mời tôi ra ngoài ăn tối với cô ấy); Câu đúng: She asked me to go out and have dinner with her.

She loves flowers, music and playing games (Cô ấy thích hoa, âm nhạc và chơi game). Câu đúng: She loves flowers, music and games.

He is a doctor and very polite (Cô ấy là bác sĩ và rất lịch sự); Câu đúng: She is a doctor and she is very polite.

I like living in the city because it is exciting and modern (Tôi thích sống ở thành phố vì nó vui nhộn và hiện đại); Câu đúng: I like living in the city because it is very exciting and modern.

Rất nhiều sinh viên mắc lỗi ngữ pháp trong việc sử dụng mạo từ với 9,7% trong tổng số các lỗi được liệt kê. Phần lớn sinh viên gặp vấn đề với mạo từ 'a'. Họ thường không dùng mạo từ 'a' trước danh từ số ít đếm được mang nghĩa chung. Điều này cũng là do ảnh hưởng trong tiếng Việt. Trong tiếng Việt khi nói danh từ số ít thì đều sử dụng từ chỉ số lượng. Ngoài ra, còn một số lỗi dùng sai mạo từ 'a', 'an'. Ví dụ:

Computers play important role in our life (Máy tính đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta); Câu đúng: Computers play an important role in our life.

She is football player (Cô ấy là cầu thủ bóng đá); Câu đúng: She is a football player.

Lỗi trật tự từ chiếm 7,6% trong tổng số lỗi ngữ pháp của sinh viên. Loại lỗi này xuất hiện khi sinh viên đặt sai vị trí của tính từ và danh từ; đặc biệt là khi danh từ đóng vai trò là tính từ bổ nghĩa cho danh từ theo sau. Lỗi ngữ pháp này là do ảnh hưởng của tiếng Việt. Do sự đối lập giữa vị trí của tính từ và danh từ trong tiếng Việt và tiếng Anh. Ví dụ:

My hometown has landscape beautiful and peaceful (Quê hương tôi có phong cảnh đẹp và thanh bình); Câu đúng: My hometown has beautiful and peaceful landscape.

I passed the exam university (Tôi đã vượt qua kì thi đại học); Câu đúng: I passed the university exam.

Lỗi ngữ pháp thời động từ chiếm 8,4% tổng số các lỗi ngữ pháp. Phần lớn các lỗi dạng này xuất hiện giữa thời hiện tại và quá khứ. Sinh viên dùng thời hiện tại để miêu tả các sự việc diễn ra trong quá khứ. Trong tiếng Anh, thời động từ được thể hiện qua việc thêm các âm vị quá khứ 'ed' vào sau động từ hoặc sử dụng các động từ quá khứ bất quy tắc; tuy nhiên trong tiếng Việt, động từ không thay đổi giữa các thời. Do vậy, sinh viên thường quên và mắc lỗi ngữ pháp ở dạng này. Ví dụ:

Last year, my family go to Ha Long bay for the summer holiday (Năm ngoái, gia đình tôi đi nghỉ hè ở Vịnh Hạ Long); Câu đúng: Last year, my family went to Ha Long Bay for the summer holiday.

When I am a child, my father often play with me (Khi tôi còn nhỏ, bố thường chơi với tôi); Câu đúng: When I was a child, my father often played with me.

Các loại lỗi khác bao gồm sai giới từ, lỗi ngữ pháp giữa tính từ và trạng từ, thiếu dấu phẩy giữa hai mệnh đề; tổng cộng chiếm 3,6% tổng số các lỗi.

Nguyên nhân dẫn tới lỗi ngữ pháp:

Từ việc tổng hợp và phân tích các ví dụ về lỗi ngữ pháp của sinh viên có thể thấy rằng, phần lớn các lỗi đều bắt nguồn từ nguyên nhân liên ngôn ngữ; hay nói cách khác, là lỗi quy chiếu ngôn ngữ từ tiếng mẹ đẻ do trình độ ngoại ngữ của sinh viên còn thấp. Cụ thể, việc quy chiếu từ tiếng Việt sang tiếng Anh xảy ra do sinh viên áp dụng các quy tắc ngữ pháp của tiếng Việt vào tiếng Anh mà không nắm được các nét khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Ngoài ra, một số lỗi ngữ pháp của sinh viên cũng bắt nguồn từ việc tổng quát hóa ngôn ngữ và áp dụng sai các công thức ngữ pháp.

Ngoài những nét khác biệt được học giả Giang, Tang (2007) chỉ ra, dưới đây là tổng hợp và ví dụ cụ thể một số đặc điểm khác biệt giữa ngữ pháp tiếng Việt và tiếng Anh.

	English version	Vietnamese equivalence
Số	My family has one member My family has five	Gia đình tôi có một người Gia đình tôi có năm

	members	người
Dại từ	My father often took us to the zoo.... We are best friends	Bố thường đưa chúng tôi tới sở thú Chúng tôi là bạn thân của nhau
Động từ	Learning English is very difficult It's not easy to learn English	Học tiếng Anh rất khó Thật không dễ để học tiếng Anh
Chia động từ	My mother likes cooking I like cooking	Mẹ tôi thích nấu ăn Tôi thích nấu ăn
Chức năng	She likes cooking, singing and painting She learns to cook, sing and paint	Cô ấy thích nấu ăn, ca hát và vẽ Cô ấy học nấu ăn, ca hát và vẽ
Mạo từ	She is a good doctor A doctor must be patients	Cô ấy là bác sĩ giỏi Bác sĩ phải biết kiên nhẫn
Thị tự từ	My house has a big garden with many trees My hometown has beautiful and peaceful landscape	Nhà tôi có một cái vườn lớn với rất nhiều cây cối Quê tôi có phong cảnh tươi đẹp và thanh bình
Thị động từ	I like living in the city because it is very exciting and modern I want become a scientist because it is so good	Tôi thích sống ở thành phố vì nó vui nhộn và hiện đại Tôi muốn trở thành một nhà khoa học vì nó rất tuyệt
Chuyển thời động từ	Last year, my family went to Ha Long bay in the summer holiday My family go to Ha Long bay in the summer	Năm ngoái gia đình tôi tới Hà Long vào mùa hè Gia đình tôi thường tới Hà Long vào mùa hè

3. Kết luận và đề xuất

Kết quả khảo sát cho thấy, khả năng ngữ pháp của sinh viên còn thấp. Cụ thể, trung bình các bài viết có khoảng 40% các câu chứa lỗi ngữ pháp. Điều này phù hợp với trình độ của sinh viên năm nhất. Phần lớn các em đang ở trình độ A1 hoặc A2 theo khung tham chiếu châu Âu.

Việc phân tích lỗi cũng cho thấy có 3 nguyên nhân chính dẫn đến lỗi ngữ pháp của sinh viên: thứ nhất là do việc quy chiếu không chính xác các quy tắc ngữ pháp từ tiếng Việt sang tiếng Anh; thứ hai là lỗi tổng quát hóa các công thức ngữ pháp; thứ ba là áp dụng sai các công thức ngữ pháp tiếng Anh.

Dựa trên kết quả khảo sát, chúng tôi xin nêu ra một số đề xuất liên quan tới việc sửa lỗi cũng

như giảng dạy dành cho giáo viên và học sinh: *Thứ nhất*, để giúp sinh viên không mắc phải các lỗi ngữ pháp, giáo viên nên hỗ trợ để sinh viên tự mình nhận ra lỗi ngữ pháp ngữ pháp. Điều này có thể thực hiện thông qua quá trình chấm chéo trong dạy và học viết. Sinh viên dễ dàng tìm ra lỗi ngữ pháp trong bài viết của bạn và học từ chính các lỗi ngữ pháp mà bạn mình mắc phải. *Thứ hai*, việc giảng dạy ngữ pháp nên được lồng ghép vào các giờ dạy viết. Nếu có điều kiện, giáo viên nên chỉ ra những điểm khác nhau cơ bản giữa ngữ pháp tiếng Việt và tiếng Anh mà người học hay mắc lỗi để sinh viên nắm vững và từ đó không mắc phải các lỗi quy chiếu sai lệch. *Thứ ba*, giáo viên nên tập trung vào các lỗi ngữ pháp điển hình chứ không nên cố gắng sửa tất cả các lỗi ngữ pháp. Lỗi ngữ pháp điển hình là những lỗi thường xuyên xuất hiện trong các bài viết của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, C. (2000), *The interrelation between speech perception and phonological acquisition from infancy to adult*. Great Britain: Blackwell Publishers Limited.
2. Corder, S.P. (1967), *The significance of learners' errors*, International Review of Applied Linguistics, 5/2-3: 161-169.
3. Ellis, R. (1985), *Understanding second language acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
4. Ferris, D. (2002), *Treatment of error in second language student writing*. Ann Arbor: University of Michigan Press.
5. Hazaymeh, Y. A. (1996), *An analysis of the errors made by Jordanian second secondary students in learning English verb tenses*. Unpublished master's thesis, Yarmouk University, Irbid, Jordan.
6. Mitchell, R. and Myles, M. (2004), *Second language learning theories*. New York: Hodder Arnold.
7. Tang, Giang (2007), *Cross-linguistic analysis of Vietnamese and English with implications for Vietnamese language acquisition and maintenance in the United States*, Journal of Southeast Asian American Education and Advancement: Vol. 2, Article 3.
8. Sawalmeh, Murad Hassan Mohammed (2013), *Error analysis of written English essays: The case of students of the preparatory year program in Saudi Arabia*. English for Specific Purposes World 14 (2013): 1-17.
9. Wakkad, M. (1980), *Arabic intrusion in the learning of written English in Egyptian preparatory schools*. Unpublished Ph.D. Dissertation, University Coll., Cardiff, United Kingdom.